

Số: 224/QĐ-THPTPNL

Hưng Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)
trong Trường THPT Phạm Ngũ Lão

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHẠM NGŨ LÃO

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;

Căn cứ Công văn số/SGDĐT-GDPT ngày tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục AI cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027;

Xét yêu cầu thực tiễn triển khai giáo dục AI tại Trường THPT Phạm Ngũ Lão,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong Trường THPT Phạm Ngũ Lão”.

Điều 2. Quy tắc áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng AI trong quản lý, dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng Tổ Văn phòng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên, nhân viên, học sinh và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT Hưng Yên (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thùy Dung

QUY TẮC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG NHÀ TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-THPTPNL ngày 11 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường THPT Phạm Ngũ Lão)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, dạy học, học tập, nghiên cứu và các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả, an toàn, có đạo đức và trách nhiệm.

2. Khuyến khích khai thác AI để đổi mới phương pháp dạy học, hỗ trợ cá nhân hóa việc học, phát triển năng lực số, tư duy phản biện, khả năng tự học, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.

3. Thiết lập nguyên tắc thống nhất nhằm phòng ngừa lạm dụng AI, gian lận trong học tập và đánh giá; hạn chế rủi ro do thông tin sai lệch, thiên lệch, nội dung giả mạo, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, lộ lọt dữ liệu cá nhân và mất an toàn thông tin.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy tắc này áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh Trường THPT Phạm Ngũ Lão và tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động có sử dụng AI do nhà trường tổ chức hoặc quản lý.

2. Phạm vi điều chỉnh gồm việc lựa chọn, truy cập và sử dụng công cụ, nền tảng, mô hình AI trong quản lý, dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học, truyền thông, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng AI

1. Lấy con người làm trung tâm. AI là công cụ hỗ trợ; con người giữ quyền chủ động, quyền quyết định, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm đối với kết quả cuối

cùng. Không giao cho AI thay thế quá trình tư duy, học tập, sáng tạo cần thiết của học sinh hoặc thay thế quyết định chuyên môn của giáo viên.

2. Sử dụng AI đúng mục đích, phù hợp nhiệm vụ và mức độ cần thiết; ưu tiên giải pháp đơn giản, an toàn, hiệu quả hơn khi không cần sử dụng AI.

3. Nội dung, dữ liệu và kết quả do AI cung cấp phải được kiểm chứng, đối chiếu, đánh giá và chỉnh sửa trước khi sử dụng; không mặc nhiên coi đầu ra của AI là chính xác, khách quan hoặc đầy đủ.

4. Tuân thủ yêu cầu về đạo đức, an toàn, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền, sở hữu trí tuệ, công bằng, hạn chế thiên lệch, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

5. Việc sử dụng AI trong học tập và đánh giá phải minh bạch. Khi có yêu cầu, người sử dụng phải khai báo công cụ, mục đích, phạm vi hỗ trợ của AI và chịu trách nhiệm đối với quá trình, sản phẩm của mình.

6. Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng; không bắt buộc học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua tài khoản, phần mềm, thiết bị hoặc dịch vụ AI để hoàn thành nội dung giáo dục bắt buộc; có phương án thay thế khi học sinh thiếu thiết bị, tài khoản hoặc kết nối.

Chương II

CÔNG CỤ, TÀI KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG

Điều 4. Lựa chọn và sử dụng công cụ AI

1. Công cụ AI đưa vào hoạt động giáo dục phải được rà soát về mục đích sử dụng, độ tuổi người dùng, điều khoản dịch vụ, chính sách bảo mật, loại dữ liệu thu thập và xử lý, cơ chế lưu trữ, quyền sở hữu trí tuệ, mức độ an toàn, khả năng tiếp cận và chi phí.

2. Nhà trường ban hành, công khai và định kỳ cập nhật Danh mục công cụ AI được phép hoặc khuyến nghị sử dụng. Việc một công cụ có tên trong danh mục không đồng nghĩa với việc được sử dụng cho mọi nhiệm vụ hoặc với mọi loại dữ liệu.

3. Đối với công cụ chưa có trong danh mục, tổ chuyên môn hoặc giáo viên phụ trách phải rà soát các điều kiện cần thiết và xin ý kiến người có thẩm quyền theo phân công của nhà trường trước khi yêu cầu học sinh sử dụng.

4. Không sử dụng công cụ AI đã bị nhà trường cảnh báo, đình chỉ hoặc công cụ có dấu hiệu thu thập dữ liệu vượt quá mục đích giáo dục, phát tán nội dung nguy hại, không đáp ứng điều kiện về độ tuổi hoặc không bảo đảm an toàn.

Điều 5. Tài khoản, độ tuổi và khả năng tiếp cận

1. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh phải tuân thủ yêu cầu về độ tuổi, điều kiện tài khoản, quyền truy cập và các điều khoản sử dụng của từng nền tảng AI.
2. Không yêu cầu học sinh tạo tài khoản cá nhân trên nền tảng không phù hợp với độ tuổi hoặc chưa được rà soát về dữ liệu, quyền riêng tư và điều kiện sử dụng.
3. Khi hoạt động giáo dục cần tài khoản hoặc thiết bị, giáo viên phải bố trí phương án phù hợp, ưu tiên tài khoản hoặc thiết bị dùng chung do nhà trường quản lý khi có điều kiện và bảo đảm có phương án học tập thay thế.
4. Không chia sẻ mật khẩu, mã xác thực, khóa truy cập hoặc tài khoản cá nhân; không sử dụng tài khoản của người khác để truy cập công cụ AI.

Chương III

SỬ DỤNG AI TRONG QUẢN LÝ, DẠY HỌC VÀ HỌC TẬP

Điều 6. Sử dụng AI của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Được sử dụng AI để hỗ trợ xây dựng kế hoạch, tổng hợp và phân tích thông tin, thiết kế kế hoạch bài dạy, học liệu, câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, mô phỏng, sơ đồ, hoạt động học tập và các nhiệm vụ chuyên môn phù hợp.
2. Khi xử lý dữ liệu quản lý, dữ liệu chuyên môn hoặc thông tin liên quan đến học sinh bằng công cụ AI, phải thực hiện nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu; ưu tiên ẩn danh, khử nhận dạng hoặc loại bỏ thông tin nhận diện khi không thực sự cần thiết.
3. Giáo viên phải kiểm tra, chỉnh sửa và chịu trách nhiệm về tính chính xác, khoa học, sư phạm, pháp lý của học liệu, câu hỏi, đáp án, nhận xét hoặc sản phẩm có AI hỗ trợ trước khi sử dụng với học sinh.
4. Không sử dụng kết quả AI làm căn cứ duy nhất để đưa ra quyết định có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hoặc kết quả đánh giá của học sinh, giáo viên, nhân viên. Giáo viên và cán bộ quản lý giữ vai trò định hướng, phê duyệt và kiểm soát ở những khâu cần thiết.

Điều 7. Sử dụng AI của học sinh

1. Học sinh được sử dụng AI để hỗ trợ tìm ý tưởng, giải thích kiến thức, luyện tập, xây dựng dàn ý, học ngoại ngữ, lập trình, nghiên cứu, thực hiện dự án, tạo và cải tiến sản phẩm khi nhiệm vụ hoặc giáo viên cho phép.

2. Học sinh phải tự đọc, phân tích, phản biện, kiểm chứng, lựa chọn và chỉnh sửa đầu ra của AI; chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng và phần việc do bản thân trực tiếp thực hiện.

3. Không sao chép nguyên trạng nội dung do AI tạo ra rồi trình bày là sản phẩm do bản thân tự thực hiện. Khi chưa rõ một nhiệm vụ có được phép sử dụng AI hay không, học sinh phải hỏi giáo viên trước khi thực hiện.

4. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu, dự án hoặc nhiệm vụ cần minh chứng quá trình, giáo viên có thể yêu cầu học sinh lưu lại nguồn dữ liệu, câu lệnh/yêu cầu đã cung cấp cho AI, kết quả thử nghiệm, cách kiểm chứng và các lần điều chỉnh để phục vụ giải thích, phản biện và đánh giá.

Điều 8. Kiểm chứng thông tin và kết quả do AI cung cấp

1. Người sử dụng phải kiểm tra bằng nguồn đáng tin cậy đối với số liệu, sự kiện, văn bản pháp luật, kiến thức chuyên môn, tài liệu tham khảo, trích dẫn, đường dẫn và các nội dung có thể ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hoặc an toàn của người khác.

2. Không sử dụng tài liệu tham khảo, trích dẫn, số liệu, hình ảnh hoặc đường dẫn do AI tạo ra nếu chưa kiểm tra sự tồn tại, tính chính xác, tính phù hợp và quyền sử dụng của nguồn.

3. Khi phát hiện đầu ra có dấu hiệu sai lệch, thiên lệch, giả mạo hoặc gây hại, người sử dụng phải dừng việc sử dụng nội dung đó, kiểm chứng lại và báo giáo viên/người phụ trách khi cần thiết.

Chương IV

SỬ DỤNG AI TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ KHAI BÁO

Điều 9. Phạm vi sử dụng AI trong nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá

1. Giáo viên phải xác định rõ phạm vi và mức độ được phép sử dụng AI đối với từng nhiệm vụ học tập, bài tập, dự án hoặc hoạt động đánh giá; có thể áp dụng ba mức quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy tắc này.

2. Bài kiểm tra trực tiếp, bài thi và nhiệm vụ đánh giá yêu cầu học sinh thể hiện năng lực cá nhân được hiểu là không sử dụng AI trong thời gian thực hiện, trừ trường hợp đề bài hoặc giáo viên quy định rõ phạm vi được phép sử dụng.

3. Việc sử dụng AI ngoài phạm vi được phép hoặc sử dụng AI để che giấu mức độ đóng góp thực chất của người học được xem xét theo quy định về trung thực học tập và quy trình xử lý vi phạm của nhà trường.

Điều 10. Khai báo sử dụng AI

1. Khi sản phẩm học tập có sử dụng AI và được dùng làm minh chứng đánh giá, học sinh phải khai báo theo yêu cầu của giáo viên hoặc nhà trường.

2. Nội dung khai báo tối thiểu gồm: tên công cụ AI; mục đích sử dụng; phạm vi/phần nội dung có AI hỗ trợ; phần việc do học sinh trực tiếp thực hiện; cách kiểm chứng, chỉnh sửa kết quả; xác nhận chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng.

3. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh trình bày quá trình thực hiện, bản nháp, nguồn dữ liệu, câu lệnh hoặc giải thích lựa chọn của mình để xác định mức độ hiểu, mức độ đóng góp và năng lực thực chất.

4. Việc khai báo sử dụng AI là minh chứng về tính trung thực và trách nhiệm; không phải là căn cứ để tự động tăng hoặc giảm kết quả đánh giá.

Điều 11. Nguyên tắc đánh giá khi có sử dụng AI

1. Đánh giá tập trung vào mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt, năng lực tư duy, khả năng lựa chọn công cụ, kiểm chứng, giải thích, điều chỉnh, sáng tạo và chịu trách nhiệm của học sinh; không chỉ đánh giá hình thức của sản phẩm hoặc mức độ thành thạo một nền tảng cụ thể.

2. Việc đánh giá phải khách quan, công bằng và không gây bất lợi cho học sinh do thiếu thiết bị, tài khoản, kết nối Internet hoặc khả năng tiếp cận một công cụ AI cụ thể.

3. Đối với nội dung giáo dục AI, không hình thành bài kiểm tra, bài thi hoặc đầu điểm riêng chỉ cho nội dung AI; kết quả được ghi nhận thông qua quá trình, sản phẩm, hoạt động và minh chứng theo hướng dẫn hiện hành. Khi phù hợp, minh chứng vận dụng AI có thể được sử dụng trong đánh giá môn học hoặc hoạt động giáo dục theo quy định.

4. Khi nhiệm vụ cho phép sử dụng AI, tiêu chí đánh giá phải nêu rõ yêu cầu về khai báo, kiểm chứng, phần việc do học sinh thực hiện và trách nhiệm đối với sản phẩm.

Chương V

AN TOÀN THÔNG TIN, BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 12. Dữ liệu không được tùy tiện đưa lên nền tảng AI

1. Không nhập, tải lên hoặc chia sẻ trên nền tảng AI công cộng các thông tin sau khi chưa có căn cứ, thẩm quyền và biện pháp bảo vệ phù hợp:

- a) Mật khẩu, mã xác thực, khóa truy cập, thông tin tài khoản cá nhân;
- b) Danh sách học sinh kèm số điện thoại, địa chỉ, mã định danh hoặc thông tin nhận diện cá nhân;
- c) Hồ sơ học sinh, kết quả học tập cá nhân, hồ sơ chuyên môn, dữ liệu quản lý hoặc dữ liệu nội bộ chưa được phép công bố;
- d) Hình ảnh, giọng nói, video, dữ liệu sinh trắc học hoặc dữ liệu cá nhân khác khi chưa bảo đảm điều kiện sử dụng;
- đ) Đề kiểm tra, đáp án, tài liệu nội bộ cần bảo mật hoặc dữ liệu thuộc phạm vi bí mật của cơ quan, nhà trường;
- e) Dữ liệu khác mà việc công khai hoặc xử lý không phù hợp có thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Nguyên tắc xử lý dữ liệu

1. Chỉ thu thập, sử dụng và cung cấp dữ liệu cần thiết cho mục tiêu giáo dục; ưu tiên ẩn danh, khử nhận dạng hoặc loại bỏ thông tin nhận diện trước khi đưa dữ liệu vào công cụ AI.

2. Không sử dụng chức năng thu thập, xử lý dữ liệu định danh của học sinh khi chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Không sử dụng dữ liệu của học sinh, giáo viên hoặc nhân viên để huấn luyện, thử nghiệm hệ thống AI của cá nhân hoặc tổ chức khi chưa được phép.

4. Trước khi triển khai một công cụ mới, bộ phận phụ trách phải rà soát công cụ, nền tảng, tài khoản và dữ liệu dự kiến sử dụng; xác định biện pháp giảm thiểu rủi ro và phương án xử lý sự cố.

Điều 14. Bản quyền và sở hữu trí tuệ

1. Tôn trọng quyền tác giả, quyền liên quan và các quyền sở hữu trí tuệ đối với nội dung, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh, video, mã nguồn và sản phẩm được sử dụng hoặc tạo ra với sự hỗ trợ của AI.

2. Không sử dụng AI để sao chép trái phép tác phẩm có bản quyền, mạo nhận tác giả hoặc che giấu nguồn của nội dung được sử dụng.

3. Khi sử dụng nguồn bên ngoài trong sản phẩm học tập hoặc sản phẩm chuyên môn, phải trích dẫn, ghi nguồn và tuân thủ điều kiện cấp phép theo yêu cầu của nhiệm vụ và quy định hiện hành.

Chương VI

ĐẠO ĐỨC, TRUNG THỰC VÀ CÁC HÀNH VI KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN

Điều 15. Các hành vi không được thực hiện

1. Sử dụng AI để gian lận trong kiểm tra, thi, đánh giá; làm bài thay người khác hoặc che giấu việc sử dụng AI khi có yêu cầu khai báo.

2. Tạo, chỉnh sửa hoặc phát tán thông tin giả, thông tin sai lệch, nội dung xúc phạm, bôi nhọ, lừa đảo, kích động hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền riêng tư của người khác.

3. Tạo hoặc phát tán hình ảnh, video, âm thanh giả mạo (deepfake) nhằm gây hiểu nhầm, mạo danh, lừa dối hoặc gây tổn hại cho cá nhân, tổ chức.

4. Sao chép sản phẩm AI mà không kiểm chứng rồi trình bày như kết quả nghiên cứu, sáng tạo hoặc công việc do bản thân tự thực hiện.

5. Tạo hoặc sử dụng số liệu, tài liệu tham khảo, dẫn chứng, nguồn trích dẫn, kết quả nghiên cứu giả; cố ý sử dụng đầu ra AI đã biết là sai, thiên lệch hoặc gây hại.

6. Khai thác AI để dò tìm, thu thập, tiết lộ, mua bán hoặc phát tán trái phép dữ liệu cá nhân, tài khoản, thông tin nội bộ.

7. Sử dụng công cụ AI đã bị nhà trường cấm, đình chỉ hoặc sử dụng không đúng đối tượng, độ tuổi, phạm vi và mục đích được phép.

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ SỰ CỐ

Điều 16. Nguyên tắc xem xét, xử lý vi phạm

1. Việc xem xét, xử lý phải khách quan, có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi; bảo đảm mục tiêu giáo dục, phòng ngừa, khắc phục và quyền giải trình của người có liên quan.

2. Việc xác định vi phạm phải dựa trên tổng hợp minh chứng về sản phẩm, quá trình thực hiện, yêu cầu của nhiệm vụ, nội dung khai báo và phần giải trình của người học; không suy đoán hoặc kết luận khi chưa đủ căn cứ.

3. Việc xử lý thực hiện theo nội quy, quy chế của nhà trường, quy định về kiểm tra, đánh giá và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Biện pháp xử lý

1. Nhắc nhở, hướng dẫn sử dụng lại đúng quy định đối với vi phạm lần đầu, mức độ nhẹ và chưa gây hậu quả đáng kể.

2. Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung khai báo, giải trình hoặc thực hiện lại nhiệm vụ học tập khi cần xác định năng lực thực chất.

3. Không công nhận phần sản phẩm có vi phạm hoặc xử lý kết quả đánh giá theo quy định áp dụng đối với nhiệm vụ đó.

4. Thông báo giáo viên chủ nhiệm, tổ chuyên môn, cha mẹ học sinh hoặc Ban Giám hiệu tùy tính chất vụ việc.

5. Áp dụng biện pháp theo nội quy, quy chế của nhà trường đối với hành vi nghiêm trọng hoặc tái phạm; chuyển cơ quan có thẩm quyền khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 18. Quy trình xử lý và báo cáo sự cố liên quan đến AI

1. Khi phát hiện lộ lọt dữ liệu, mất tài khoản, nội dung nguy hại, thông tin giả mạo hoặc sự cố an toàn liên quan đến AI, người phát hiện thực hiện theo trình tự: dừng thao tác có nguy cơ; bảo toàn minh chứng cần thiết; báo ngay giáo viên/người phụ trách; báo Ban Giám hiệu hoặc đầu mối kỹ thuật; thực hiện biện pháp cô lập, khắc phục theo hướng dẫn.

2. Nhà trường ghi nhận sự cố, đánh giá nguyên nhân, phạm vi và mức độ ảnh hưởng; thực hiện biện pháp khắc phục, thông tin cho cá nhân liên quan khi cần thiết và báo cáo Sở GDĐT ngay sau khi phát hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

3. Sau sự cố, bộ phận phụ trách tổ chức rà soát nguyên nhân, cập nhật biện pháp phòng ngừa, danh mục công cụ và hướng dẫn sử dụng nếu cần thiết.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Giám hiệu

1. Chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện, kiểm tra và định kỳ đánh giá việc chấp hành Quy tắc.
2. Phê duyệt, rà soát và cập nhật Danh mục công cụ AI được phép hoặc khuyến nghị sử dụng; phân công đầu mối hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và tiếp nhận phản ánh, sự cố.
3. Tổ chức tập huấn, truyền thông về sử dụng AI an toàn, có đạo đức và trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.
4. Chỉ đạo việc tiếp nhận, xử lý vi phạm, sự cố và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên

1. Tổ, nhóm chuyên môn phối hợp với giáo viên Tin học và đầu mối kỹ thuật để lựa chọn, thử nghiệm, rà soát công cụ; xây dựng cách thức sử dụng AI phù hợp đặc thù môn học và yêu cầu cần đạt.
2. Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng AI đúng mục đích; quy định rõ mức độ được phép sử dụng AI trong từng nhiệm vụ; kiểm tra tính chính xác, sự phạm, pháp lý của học liệu có AI hỗ trợ trước khi sử dụng.
3. Giáo dục học sinh về tư duy phản biện, kiểm chứng thông tin, quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, bản quyền, công bằng, thiên lệch, trung thực và trách nhiệm giải trình.
4. Phát hiện, xử lý bước đầu và báo cáo kịp thời sự cố, hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của giáo viên Tin học và đầu mối hỗ trợ kỹ thuật

1. Giáo viên Tin học giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn kỹ thuật trong việc hỗ trợ rà soát công cụ, hướng dẫn sử dụng, an toàn thông tin và phối hợp triển khai nội dung giáo dục AI theo phân công.
2. Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật tiếp nhận cảnh báo, sự cố; phối hợp cô lập nguy cơ, bảo toàn minh chứng, hướng dẫn khắc phục và đề xuất cập nhật biện pháp an toàn.

Điều 22. Trách nhiệm của học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh

1. Học sinh tuân thủ Quy tắc này, yêu cầu của giáo viên và điều khoản sử dụng của công cụ AI; trung thực khi khai báo; chịu trách nhiệm đối với sản phẩm học tập của mình; báo ngay cho giáo viên khi phát hiện sự cố hoặc nội dung có nguy cơ gây mất an toàn.

2. Nhà trường thông tin cho cha mẹ học sinh về mục tiêu giáo dục AI, công cụ dự kiến sử dụng, dữ liệu có liên quan, quyền lựa chọn và kênh phản ánh; phối hợp hướng dẫn học sinh sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm.

3. Việc phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp hoặc nhà cung cấp phải bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, không gây áp lực tài chính, không tạo phụ thuộc vào nhà cung cấp và không thay thế vai trò chuyên môn của nhà trường.

Điều 23. Hiệu lực, rà soát và điều chỉnh Quy tắc

1. Quy tắc được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh để thực hiện thống nhất trong nhà trường.

2. Danh mục công cụ AI và các phụ lục được rà soát ít nhất một lần trong mỗi năm học và được cập nhật ngay khi có thay đổi đáng kể về điều khoản sử dụng, độ tuổi, dữ liệu, nguy cơ an toàn hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung mới, các bộ phận phản ánh về Ban Giám hiệu để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC 1
BA MỨC SỬ DỤNG AI TRONG NHIỆM VỤ HỌC TẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo Quy tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nhà trường)

Mức	Quy định	Phạm vi sử dụng	Yêu cầu khai báo/minh chứng
Mức 1	KHÔNG SỬ DỤNG AI	Học sinh tự thực hiện toàn bộ nhiệm vụ; không sử dụng AI để tạo nội dung, lời giải, dàn ý, câu trả lời hoặc xử lý thay phần năng lực cần đánh giá.	Không khai báo AI; học sinh có thể phải giải trình quá trình làm bài khi giáo viên yêu cầu.
Mức 2	SỬ DỤNG AI CÓ GIỚI HẠN	Được dùng AI để gợi ý ý tưởng, giải thích, kiểm tra lỗi hoặc hỗ trợ một phần theo chỉ dẫn của giáo viên. Phân phân tích, quyết định và sản phẩm chính phải do học sinh thực hiện.	Khai báo công cụ, mục đích, phần AI hỗ trợ và phần học sinh trực tiếp thực hiện; nêu cách kiểm chứng/chỉnh sửa khi được yêu cầu.
Mức 3	ĐƯỢC SỬ DỤNG AI NHƯ MỘT PHẦN CỦA NHIỆM VỤ	AI là một thành phần của nhiệm vụ. Học sinh có thể tạo, thử nghiệm, so sánh, phản biện hoặc cải tiến sản phẩm với AI theo yêu cầu của giáo viên.	Bắt buộc khai báo công cụ, mục đích, phạm vi hỗ trợ, phần việc trực tiếp thực hiện, cách kiểm chứng và chỉnh sửa; có thể nộp nhật ký/câu lệnh khi nhiệm vụ yêu cầu.

Mẫu ghi trên nhiệm vụ: “Mức sử dụng AI: Mức 1 / Mức 2 / Mức 3”.

Mẫu khai báo sử dụng AI của học sinh:

- Công cụ AI đã sử dụng:
- Mục đích sử dụng:
- Phạm vi AI hỗ trợ:
- Phần việc tôi trực tiếp thực hiện:
- Cách tôi kiểm chứng, chỉnh sửa kết quả AI:
- Tôi đã kiểm tra và chịu trách nhiệm về nội dung cuối cùng của sản phẩm.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC BAN ĐẦU CÔNG CỤ AI ĐƯỢC PHÉP/KHUYẾN NGHỊ SỬ DỤNG
(Danh mục được rà soát, cập nhật trong quá trình thực hiện; không mặc nhiên áp dụng cho mọi nhiệm vụ)

STT	Công cụ/nhóm công cụ	Mục đích phù hợp	Đối tượng/phạm vi	Điều kiện sử dụng
1	ChatGPT	Hỗ trợ giải thích, tạo ý tưởng, soạn thảo, luyện tập, hỗ trợ lập trình và phản biện nội dung.	CBQL, GV, NV; HS khi giáo viên cho phép và đáp ứng điều khoản của nhà cung cấp.	Không nhập dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu nội bộ cần bảo mật; kiểm chứng đầu ra, nguồn và bản quyền; thực hiện khai báo khi nhiệm vụ yêu cầu.
2	Google Gemini	Hỗ trợ giải thích, tạo ý tưởng, tổng hợp thông tin và tạo nội dung phục vụ học tập.	CBQL, GV, NV; HS khi giáo viên cho phép và đáp ứng điều khoản của nhà cung cấp.	Rà soát tài khoản, độ tuổi và dữ liệu chia sẻ; không sử dụng đầu ra chưa kiểm chứng làm căn cứ duy nhất cho quyết định/đánh giá.
3	Microsoft Copilot	Hỗ trợ tìm kiếm, soạn thảo, tạo ý tưởng và các nhiệm vụ văn phòng/học tập.	CBQL, GV, NV; HS khi giáo viên cho phép.	Ưu tiên tài khoản do cơ quan/nhà trường quản lý nếu có; không đưa dữ liệu nội bộ cần bảo mật hoặc dữ liệu định danh không cần thiết.
4	NotebookLM	Hỗ trợ khai thác, tổng hợp, đặt câu hỏi và làm việc trên nguồn tài liệu do người dùng cung cấp.	CBQL, GV; HS khi giáo viên hướng dẫn.	Chỉ tải lên tài liệu có quyền sử dụng; không tải hồ sơ cá nhân, đề/đáp án cần bảo mật; kiểm tra trích dẫn và nguồn.
5	Canva AI / Magic Studio	Hỗ trợ thiết kế hình ảnh, trình chiếu, video và sản phẩm truyền thông giáo dục.	CBQL, GV, NV; HS theo nhiệm vụ học tập.	Kiểm tra quyền sử dụng hình ảnh, âm thanh, tài nguyên và dữ liệu cá nhân; không tạo/phát tán nội dung giả mạo gây hiểu nhầm hoặc gây hại.
6	Công cụ AI chuyên môn khác	Công cụ mô phỏng, ngôn ngữ, lập trình, dữ liệu, tạo hình ảnh/âm thanh/video hoặc nghiên cứu phục vụ mục tiêu giáo dục.	Theo phê duyệt/rà soát của tổ chuyên môn hoặc người được Hiệu trưởng phân công.	Trước khi sử dụng phải rà soát độ tuổi, dữ liệu, bản quyền, an toàn, chi phí, khả năng tiếp cận và điều khoản dịch vụ; có phương án thay thế cho học sinh khi cần.

Lưu ý: Danh mục được cập nhật khi điều khoản dịch vụ, độ tuổi, chính sách dữ liệu, mức độ an toàn hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý thay đổi. Mọi công cụ chỉ được sử dụng đúng phạm vi giáo viên/nhà trường cho phép và theo Quy tắc này.